

Pháp lệnh số: 02 /2012/UBTVQH13

PHÁP LỆNH
CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH, ĐỊNH GIÁ; CHI PHÍ CHO NGƯỜI LÀM CHỨNG, NGƯỜI
PHIÊN DỊCH TRONG TỔ TỤNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội khóa XIII về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011;

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng và người phiên dịch trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính (sau đây gọi chung là chi phí trong tố tụng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến việc giám định, định giá, làm chứng và phiên dịch trong tố tụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chi phí giám định* là số tiền cần thiết, hợp lý phải chi trả cho công việc giám định do tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tính căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. *Tiền tạm ứng chi phí giám định* là số tiền do tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tạm tính để thực hiện giám định theo trung cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

3. *Chi phí định giá tài sản* là số tiền cần thiết, hợp lý phải chi trả cho công việc định giá do Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản tính căn cứ vào quy định

của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. *Tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản* là số tiền Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản tạm tính để tiến hành việc định giá theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

5. *Chi phí thẩm định giá tài sản* là số tiền cần thiết, hợp lý phải chi trả cho công việc thẩm định giá do Tổ chức thẩm định giá tính theo quy định của Pháp lệnh này và quy định của pháp luật về giá.

6. *Chi phí cho người làm chứng* là số tiền cần thiết, hợp lý phải chi trả cho người làm chứng do cơ quan tiến hành tố tụng tính căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. *Tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng* là số tiền do cơ quan tiến hành tố tụng tạm tính để chi trả cho người làm chứng.

8. *Chi phí cho người phiên dịch* là số tiền cần thiết, hợp lý phải chi trả cho người phiên dịch do cơ quan tiến hành tố tụng tính căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc thu, chi tiền chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng

Tiền chi phí giám định, định giá; tiền chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng phải được thu, chi theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại với Chánh án Toà án trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Toà án về nộp, miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định, tạm ứng chi phí định giá, tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng.

Chánh án Toà án phải xem xét giải quyết khiếu nại trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại. Quyết định của Chánh án Toà án là quyết định giải quyết cuối cùng.

Khiếu nại về nghĩa vụ nộp chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch và mức chi phí theo bản án, quyết định của Toà án được giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng.

2. Tố cáo và việc giải quyết tố cáo của cá nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

CHƯƠNG II
CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TRONG TỔ TỤNG

Mục 1

**CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH DO CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG TRƯNG CẦU
GIÁM ĐỊNH**

Điều 6. Cơ quan có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.
2. Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Điều 7. Thủ tục tạm ứng chi phí giám định

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định xác định và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng quy định tại Điều 6 của Pháp lệnh này về mức tiền tạm ứng, thời gian nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng nộp tiền tạm ứng theo thông báo của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

Điều 8. Trách nhiệm thanh toán chi phí giám định

1. Cơ quan tiến hành tố tụng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Pháp lệnh này có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định theo mức, thời hạn, phương thức mà tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 105 của Bộ luật tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng không chịu trách nhiệm trả chi phí giám định. Người bị hại phải hoàn trả cho cơ quan tiến hành tố tụng chi phí giám định đã nộp.

2. Tòa án quy định tại khoản 2 Điều 6 của Pháp lệnh này có trách nhiệm thanh toán chi phí giám định trong trường hợp kết quả giám định không có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án. Nếu kết quả giám định có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án thì bên đương sự thua kiện phải nộp chi phí giám định theo trình tự quy định tại mục 2 của Chương này. Số tiền tạm ứng chi phí giám định được hoàn lại cho cơ quan tiến hành tố tụng đã nộp.

Điều 9. Xác định chi phí giám định

1. Căn cứ tính chất của đối tượng và nội dung giám định cụ thể, chi phí giám định bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tiền lương và các khoản thù lao cho người thực hiện giám định;
- b) Chi phí vật tư tiêu hao;
- c) Chi phí sử dụng dịch vụ;
- d) Chi phí khấu hao máy móc, phương tiện, thiết bị;
- đ) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 10. Chi phí giám định bổ sung, giám định lại

Cơ quan tiến hành tố tụng quy định tại Điều 6 của Pháp lệnh này ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại thì phải nộp tiền tạm ứng và thanh toán chi phí giám định theo quy định tại mục này.

Mục 2

CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH DO ĐƯƠNG SỰ YÊU CẦU

Điều 11. Người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định

Người yêu cầu giám định được Tòa án chấp nhận ra quyết định trưng cầu giám định có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, bao gồm:

1. Đương sự trong vụ việc dân sự;
2. Đương sự trong vụ án hành chính.

Điều 12. Đối tượng được miễn tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định

Người nghèo theo quy định của Chính phủ được miễn tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định.

Điều 13. Đối tượng được giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định

1. Người có khó khăn về kinh tế được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận thì được giảm tiền tạm ứng chi phí, chi phí giám định.

2. Việc miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định quy định tại Điều 12 và khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với người có yêu cầu giám định, được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận và việc giám định do tổ chức giám định công lập thực hiện.

Điều 14. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.

2. Trong trường hợp các bên đương sự yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định về cùng một đối tượng thì các bên cùng phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác hoặc được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.

Điều 15. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định của Tòa án, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định phải thông báo cho Tòa án biết về số tiền tạm ứng chi phí giám định.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ

chức, cá nhân thực hiện giám định, Tòa án có trách nhiệm thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định cho người yêu cầu giám định biết để họ đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 20 của Pháp lệnh này.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền tạm ứng chi phí giám định, Tòa án phải chuyển số tiền đó cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

Điều 16. Thủ tục đề nghị miễn tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là người thuộc đối tượng được miễn quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị gửi Tòa án kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

2. Đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng chi phí giám định phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm làm đơn;
- b) Họ, tên, địa chỉ của người làm đơn;
- c) Đối tượng trung cầu giám định;
- d) Lý do, căn cứ đề nghị miễn tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định miễn tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Đối với vụ án dân sự, hành chính, thẩm quyền quyết định miễn tiền tạm ứng chi phí giám định như sau:

a) Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn hoặc không miễn tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Quyết định này phải được gửi cho người đề nghị, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định. Trường hợp không chấp nhận đề nghị miễn tiền tạm ứng chi phí giám định thì trong quyết định phải nêu rõ lý do;

b) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn hoặc không miễn tiền tạm ứng chi phí giám định. Quyết định của Hội đồng xét xử được công bố tại phiên tòa và được gửi cho người đề nghị, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định. Trường hợp không chấp nhận đề nghị miễn tiền tạm ứng chi phí giám định thì trong quyết định phải nêu rõ lý do.

2. Đối với việc dân sự, Thẩm phán được phân công giải quyết có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc miễn hoặc không miễn tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Quyết định này phải được gửi cho người đề nghị, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định. Trường hợp không chấp nhận đề nghị miễn tiền tạm ứng chi phí giám định thì trong quyết định phải nêu rõ lý do.

Điều 18. Thủ tục đề nghị giảm tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, người có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là người thuộc đối tượng được giảm quy định tại khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị gửi Tòa án kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được giảm tiền tạm ứng chi phí giám định.

2. Đơn đề nghị giảm tiền tạm ứng chi phí giám định phải có các nội dung chính sau đây:

a) Các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 16 của Pháp lệnh này;

b) Lý do, căn cứ xin giảm tiền tạm ứng chi phí giám định;

c) Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc về lý do giảm tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh này.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định giảm tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Đối với vụ án dân sự, hành chính, thẩm quyền quyết định giảm tiền tạm ứng chi phí giám định như sau:

a) Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc giảm hoặc không giảm tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Trường hợp chấp nhận đề nghị của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được giảm; nếu không chấp nhận đề nghị thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định của Tòa án phải được thông báo cho người đề nghị, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định;

b) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc giảm hoặc không giảm tiền tạm ứng chi phí giám định. Quyết định của Hội đồng xét xử được công bố ngay tại phiên tòa. Trường hợp chấp nhận đề nghị của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được giảm; nếu không chấp nhận đề nghị thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định của Hội đồng xét xử được thông báo cho người đề nghị, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

2. Đối với việc dân sự, Thẩm phán được phân công giải quyết có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc giảm hoặc không giảm tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của người đề nghị. Nếu chấp nhận đề nghị của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được giảm; nếu không chấp nhận đề nghị thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định này phải được gửi cho người đề nghị, tổ chức, cá nhân thực hiện giám định biết trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

Điều 20. Thời hạn nộp tiền tạm ứng chi phí giám định

1. Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trong thời hạn sau đây:

a) 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án quy định tại khoản 2 Điều 15 của Pháp lệnh này. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày;

b) 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định không chấp nhận đề nghị miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định hoặc quyết định giảm tiền tạm ứng chi phí giám định quy định tại Điều 17 và Điều 19 của Pháp lệnh này.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám định có quyền từ chối thực hiện giám định khi nhận được thông báo của Tòa án về việc người yêu cầu giám định không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

Điều 21. Xác định chi phí giám định

Chi phí giám định được xác định theo quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh này.

Điều 22. Thanh toán chi phí giám định

1. Sau khi có kết quả giám định, tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định thông báo cho Tòa án, người yêu cầu giám định về chi phí giám định.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án có trách nhiệm thông báo cho người yêu cầu giám định biết để đến Tòa án nộp chi phí giám định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu giám định phải nộp chi phí giám định. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày.

Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp chưa đủ chi phí thì phải nộp phần tiền còn thiếu đó; nếu số tiền tạm ứng đã nộp vượt quá chi phí giám định thì được trả lại phần tiền chênh lệch.

3. Người đã thanh toán chi phí giám định mà không có nghĩa vụ nộp chi phí giám định theo quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh này được hoàn trả số chi phí giám định đã nộp.

4. Trường hợp người yêu cầu giám định được miễn, giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định thì cơ quan tiến hành tố tụng đã trưng cầu giám định có trách nhiệm thanh toán số tiền đã miễn, giảm đó cho tổ chức, cá nhân đã thực hiện giám định.

Điều 23. Thủ tục đề nghị miễn chi phí giám định

1. Người có nghĩa vụ nộp chi phí giám định thuộc đối tượng được miễn quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị miễn chi phí giám định gửi Tòa án kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn chi phí giám định.

2. Đơn đề nghị miễn chi phí giám định phải có các nội dung chính sau đây:

a) Các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 16 của Pháp lệnh này;

b) Lý do, căn cứ đề nghị miễn tiền tạm ứng chi phí giám định theo quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.

Điều 24. Thẩm quyền quyết định miễn chi phí giám định

1. Thẩm quyền miễn quyết định miễn chi phí giám định được thực hiện như sau:

a) Trường hợp vụ án được giải quyết mà không phải mở phiên tòa thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thẩm quyền quyết định miễn chi phí giám định;

b) Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thẩm quyền quyết định miễn chi phí giám định;

c) Đối với việc dân sự, Thẩm phán được phân công giải quyết việc dân sự có thẩm quyền quyết định miễn chi phí giám định.

2. Việc miễn chi phí giám định phải được ghi trong bản án, quyết định của Tòa án.

Điều 25. Thủ tục đề nghị giảm chi phí giám định

1. Người có nghĩa vụ nộp chi phí giám định thuộc đối tượng được giảm chi phí giám định quy định tại khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh này phải có đơn đề nghị giảm chi phí giám định gửi Tòa án kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được giảm chi phí giám định.

2. Đơn đề nghị giảm chi phí giám định phải có các nội dung chính sau đây:

a) Các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 16 của Pháp lệnh này;

b) Lý do, căn cứ đề nghị giảm chi phí giám định;

c) Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc về lý do giảm chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh này.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định giảm chi phí giám định

Thẩm quyền quyết định giảm chi phí giám định được thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Pháp lệnh này.

Điều 27. Thủ tục quyết định giảm chi phí giám định

Người được quy định tại Điều 26 của Pháp lệnh này có thẩm quyền xét đơn đề nghị và quyết định việc giảm hoặc không giảm chi phí giám định; nếu chấp nhận đề nghị của đương sự thì trong quyết định phải nêu rõ số tiền được giảm; nếu không chấp nhận đề nghị thì trong quyết định phải nêu rõ lý do. Quyết định phải được thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định và người có đơn đề nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

Quyết định giảm hoặc không giảm chi phí giám định của Hội đồng xét xử được công bố tại phiên tòa và được thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định và người có đơn đề nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

Điều 28. Giảm tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định

Mức tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định được giảm cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 13 của Pháp lệnh này không được vượt quá 50% tiền tạm ứng, chi phí mà người đó phải nộp.

Điều 29. Nghĩa vụ nộp chi phí giám định

1. Trừ trường hợp các bên đương sự có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, nghĩa vụ nộp chi phí giám định được xác định như sau:

a) Người yêu cầu trưng cầu giám định phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ. Trường hợp kết quả giám định chứng minh yêu cầu của họ chỉ có căn cứ một phần, thì họ phải nộp chi phí giám định đối với phần yêu cầu của họ đã được chứng minh là không có căn cứ;

b) Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ. Trường hợp yêu cầu trưng cầu giám định chỉ có căn cứ một phần, thì người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định phải nộp chi phí giám định tương ứng với phần yêu cầu đã được chứng minh là có căn cứ.

2. Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này quyết định nghĩa vụ nộp chi phí giám định, miễn, giảm chi phí giám định, hoàn trả chi phí giám định của các bên đương sự trong bản án, quyết định.

Điều 30. Chi phí giám định bổ sung, giám định lại

Trình tự, thủ tục nộp, thanh toán tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định đối với giám định bổ sung, giám định lại do đương sự yêu cầu được thực hiện theo quy định tại mục này.

Mục 3

CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TRONG TRƯỜNG HỢP KHÁC

Điều 31. Chi phí giám định để giải quyết phân dân sự trong vụ án hình sự

Đối với phân dân sự được giải quyết trong cùng vụ án hình sự mà nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giám định và được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận thì không phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định. Trách nhiệm nộp tiền tạm ứng, thanh toán chi phí giám định được thực hiện theo quy định tại mục 1 Chương này.

Điều 32. Chi phí giám định trong trường hợp người yêu cầu giám định tự mình yêu cầu giám định

Theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp, đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự đã yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định mà không được chấp nhận và tự mình yêu cầu tổ chức, cá nhân thực

hiện giám định thì phải nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí giám định theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thực hiện giám định.

CHƯƠNG III

CHI PHÍ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN TRONG TỐ TỤNG

Mục 1

CHI PHÍ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN DO CƠ QUAN TIỀN HÀNH TỐ TỤNG QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐỊNH GIÁ

Điều 33. Cơ quan có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản

1. Đối với vụ án hình sự, cơ quan tiền hành tố tụng ra quyết định định giá tài sản có trách nhiệm nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản cho Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản.

2. Đối với vụ án dân sự, vụ án hành chính, Tòa án ra quyết định định giá tài sản không phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá cho Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản. Các bên đương sự có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá theo quy định tại mục 2 Chương này.

Điều 34. Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản

1. Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản xác định số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và thông báo cho cơ quan quy định tại Điều 33 của Pháp lệnh này.

2. Thời gian, phương thức nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản được thực hiện theo yêu cầu của Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản.

Điều 35. Chi phí định giá tài sản

1. Căn cứ tính chất của đối tượng cần định giá, chi phí định giá tài sản bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tiền lương và các khoản thù lao cho người thực hiện định giá;
- b) Chi phí thu thập, phân tích thông tin về đối tượng cần định giá;
- c) Chi phí vật tư tiêu hao;
- d) Chi phí sử dụng dịch vụ cần thiết khác;
- đ) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 36. Chi phí định giá bổ sung, định giá lại

Trình tự, thủ tục nộp, thanh toán tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, chi phí định giá tài sản đối với định giá bổ sung, định giá lại do cơ quan tiền hành tố tụng quyết định được thực hiện theo quy định tại mục này.

Điều 37. Trách nhiệm thanh toán chi phí định giá tài sản

1. Đối với vụ án hình sự, cơ quan tiền hành tố tụng ra quyết định định giá tài

sản theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Pháp lệnh này có trách nhiệm thanh toán chi phí định giá tài sản cho Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản theo mức, thời hạn, phương thức đã thông báo.

2. Đối với vụ án dân sự, vụ án hành chính, Tòa án ra quyết định định giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Pháp lệnh này cho các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc trong trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật tố tụng hành chính, có trách nhiệm thanh toán chi phí cho Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản, nếu kết quả định giá chứng minh yêu cầu định giá của Tòa án là không có căn cứ. Nghĩa vụ thanh toán chi phí định giá tài sản thực hiện theo quy định tại mục 2 Chương này.

Mục 2

CHI PHÍ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN DO ĐƯƠNG SỰ YÊU CẦU

Điều 38. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập hoặc nhận được quyết định yêu cầu định giá của Tòa án, Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản phải thông báo cho Tòa án và người yêu cầu định giá tài sản biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản; thông báo phải nêu rõ số tiền, thời hạn và phương thức nộp tiền.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản, Tòa án có trách nhiệm thông báo cho người yêu cầu định giá biết để đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí định giá.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều này, người yêu cầu định giá tài sản phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, Tòa án phải chuyển số tiền đó cho Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản.

Điều 39. Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản

1. Người yêu cầu định giá tài sản phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp các bên đương sự không thống nhất được về giá mà yêu cầu Tòa án định giá hoặc Tòa án quyết định định giá theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc trong trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật tố tụng hành chính thì mỗi bên đương sự phải nộp một nửa số tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản. Trường hợp trong vụ việc có nhiều đương sự thì các bên đương sự cùng phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản theo mức do Tòa án quyết định.

3. Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản có quyền từ chối thực hiện việc định giá tài sản khi nhận được thông báo của Tòa án về việc người yêu cầu định giá không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

Điều 40. Thanh toán chi phí định giá tài sản

1. Sau khi có kết quả định giá, Hội đồng định giá, tổ chức định giá tài sản thông báo cho Tòa án, người yêu cầu định giá về chi phí định giá tài sản.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án có trách nhiệm thông báo cho người yêu cầu định giá biết đề đến Tòa án nộp chi phí định giá tài sản. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu định giá tài sản phải nộp chi phí. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày.

Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí định giá đã nộp chưa đủ chi phí thì phải nộp thêm phần tiền còn thiếu đó; nếu số tiền tạm ứng đã nộp vượt quá chi phí định giá thì được trả lại phần tiền chênh lệch.

3. Người đã thanh toán chi phí định giá tài sản mà không có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh này được hoàn trả chi phí định giá đã nộp.

Điều 41. Chi phí định giá tài sản

Chi phí định giá tài sản được xác định theo quy định tại Điều 35 của Pháp lệnh này.

Điều 42. Nghĩa vụ nộp chi phí định giá tài sản

Trường hợp các bên đương sự không có thoả thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ nộp chi phí định giá tài sản được xác định như sau:

1. Người yêu cầu định giá tài sản phải nộp chi phí định giá nếu kết quả định giá chứng minh yêu cầu định giá của người đó là không có căn cứ;

2. Người không chấp nhận yêu cầu định giá tài sản của người có yêu cầu phải nộp chi phí định giá, nếu kết quả định giá chứng minh yêu cầu của người yêu cầu định giá là có căn cứ;

3. Trường hợp các bên không thống nhất được về giá tài sản mà cùng có yêu cầu Tòa án quyết định việc định giá thì mỗi bên đương sự phải nộp một nửa chi phí định giá; trường hợp trong vụ việc có nhiều đương sự thì các bên đương sự cùng phải nộp chi phí định giá theo mức do Tòa án quyết định;

4. Trường hợp Tòa án ra quyết định định giá tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc trong trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật tố tụng hành chính thì nghĩa vụ nộp chi phí định giá được xác định như sau:

a) Mỗi bên đương sự phải nộp một nửa chi phí định giá, nếu kết quả định giá chứng minh quyết định định giá của Tòa án là có căn cứ;

b) Tòa án trả chi phí định giá, nếu kết quả định giá chứng minh quyết định

định giá của Toà án là không có căn cứ;

5. Trường hợp định giá để chia tài sản chung, chia di sản thừa kế thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia;

6. Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá, chi phí định giá tài sản mà không phải nộp chi phí định giá thì người phải nộp chi phí định giá theo quyết định của Toà án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, chi phí định giá tài sản số tiền mà họ đã nộp;

7. Tòa án căn cứ vào các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này quyết định nghĩa vụ nộp chi phí định giá tài sản, hoàn trả chi phí định giá tài sản của các bên đương sự trong bản án, quyết định.

Điều 43. Chi phí định giá bổ sung, định giá lại

Trình tự, thủ tục nộp, thanh toán tiền tạm ứng, chi phí đối với định giá bổ sung, định giá lại tài sản do đương sự yêu cầu được thực hiện theo quy định tại mục này.

Điều 44. Chi phí thẩm định giá tài sản

Chi phí thẩm định giá tài sản trong trường hợp đương sự đề nghị Tòa án yêu cầu Tổ chức thẩm định giá tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật tố tụng hành chính thì người đề nghị thẩm định giá tài sản phải trả chi phí cho tổ chức thẩm định giá tài sản theo mức, thời hạn mà tổ chức đó yêu cầu.

CHƯƠNG IV

CHI PHÍ CHO NGƯỜI LÀM CHỨNG TRONG TỐ TỤNG

Mục 1

CHI PHÍ CHO NGƯỜI LÀM CHỨNG

DO CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG TRIỆU TẬP

Điều 45. Cơ quan có trách nhiệm trả chi phí cho người làm chứng

Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người làm chứng có trách nhiệm trả chi phí cho người làm chứng. Chi phí cho người làm chứng được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

Điều 46. Mức chi phí cho người làm chứng

1. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chi phí cho người làm chứng do cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tiền lương, thù lao cho người làm chứng;
- b) Chi phí đi lại;
- c) Chi phí lưu trú;
- d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

CHI PHÍ CHO NGƯỜI LÀM CHỨNG DO ĐƯƠNG SỰ YÊU CẦU

Điều 47. Thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng

1. Đối với vụ việc dân sự, vụ án hành chính, người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng. Người yêu cầu có nghĩa vụ cung cấp thông tin về số người làm chứng, nơi làm việc, nơi cư trú của họ và các thông tin cần thiết khác làm cơ sở để Tòa án xác định mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự triệu tập người làm chứng, Tòa án thông báo cho người có yêu cầu đến Tòa án để nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng, trong thông báo phải nêu rõ số tiền, thời gian nộp tiền.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng phải nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng.

Điều 48. Mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng

Mức tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng được tính bằng mức chi phí cho người làm chứng xác định theo quy định tại Điều 46 của Pháp lệnh này.

Điều 49. Nghĩa vụ nộp chi phí cho người làm chứng

Trường hợp các bên đương sự không có thoả thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ nộp chi phí cho người làm chứng được quy định như sau:

1. Người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng phải nộp chi phí cho người làm chứng, nếu lời khai của người làm chứng phù hợp với sự thật khách quan của vụ việc nhưng không đúng với yêu cầu của người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng hoặc lời khai của người làm chứng không phù hợp với sự thật khách quan của vụ việc;

2. Trường hợp lời khai của người làm chứng phù hợp với sự thật khách quan của vụ việc và đúng với yêu cầu của người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng, thì chi phí cho người làm chứng do đương sự có yêu cầu độc lập với yêu cầu của người yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng nộp;

3. Tòa án căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều này quyết định nghĩa vụ nộp chi phí cho người làm chứng, hoàn trả lại chi phí cho các bên đương sự trong bản án, quyết định.

Điều 50. Thủ tục chi trả chi phí cho người làm chứng

1. Tòa án chi trả chi phí cho người làm chứng.

2. Trường hợp số tiền tạm ứng chi phí đã nộp chưa đủ chi phí thì người có nghĩa vụ nộp tiền chi phí cho người làm chứng phải nộp thêm phần tiền còn thiếu

đó; nếu số tiền tạm ứng đã nộp vượt quá chi phí cho người làm chứng thì được trả lại phần tiền chênh lệch. Người đã nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng không có nghĩa vụ phải trả chi phí theo quy định tại Điều 49 của Pháp lệnh này thì được hoàn trả số tiền đã nộp.

CHƯƠNG V

CHI PHÍ CHO NGƯỜI PHIÊN DỊCH TRONG TỔ TỤNG

Mục 1

CHI PHÍ CHO NGƯỜI PHIÊN DỊCH DO CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG TRIỆU TẬP

Điều 51. Trách nhiệm trả chi phí cho người phiên dịch

Cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập người phiên dịch có trách nhiệm thanh toán chi phí cho người phiên dịch. Chi phí cho người phiên dịch được lấy từ kinh phí hoạt động hằng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

Điều 52. Mức chi phí cho người phiên dịch

1. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, chi phí cho người phiên dịch do cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí tiền công cho người phiên dịch;
 - b) Chi phí đi lại;
 - c) Chi phí lưu trú;
 - d) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Mục 2

CHI PHÍ CHO NGƯỜI PHIÊN DỊCH DO ĐƯƠNG SỰ YÊU CẦU

Điều 53. Nghĩa vụ thanh toán chi phí cho người phiên dịch

Đối với vụ việc dân sự, vụ án hành chính, người yêu cầu Tòa án triệu tập người phiên dịch có nghĩa vụ thanh toán chi phí cho người phiên dịch theo thỏa thuận.

Điều 54. Mức chi phí cho người phiên dịch

Mức chi phí cho người phiên dịch do đương sự yêu cầu được thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Pháp lệnh này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

CHƯƠNG VI

KINH PHÍ THANH TOÁN CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH, ĐỊNH GIÁ; CHI PHÍ CHO NGƯỜI LÀM CHỨNG, NGƯỜI PHIÊN DỊCH TRONG TỔ TỤNG

Điều 55. Nguồn kinh phí chi trả

1. Kinh phí thanh toán chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch mà cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm chi trả theo quy định của Pháp lệnh này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của cơ quan đó.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí chi trả phần chi phí giám định đối với trường hợp dương sự được miễn, giảm chi phí giám định theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 56. Lập dự toán kinh phí và phân bổ kinh phí chi trả

Hằng năm, căn cứ thực tế chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch của năm trước, cơ quan tiến hành tố tụng phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí thanh toán để tổng hợp vào dự toán ngân sách cấp mình, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và được phân bổ cho cơ quan tiến hành tố tụng để thực hiện việc chi trả.

Điều 57. Thủ tục thanh toán chi phí

Cơ quan tiến hành tố tụng chịu trách nhiệm thanh toán chi phí cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch theo thủ tục do Chính phủ quy định.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Hiệu lực thi hành

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 59. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quy định chi tiết các điều, khoản được giao và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2012

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch

Đã ký: Nguyễn Sinh Hùng